

Đời sống đạo của người dân theo đạo Công giáo ở thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG

Theo số liệu của Ban Tôn giáo Chính phủ, đến thời điểm năm 1993 Giáo hội Công giáo Việt Nam có khoảng 5 triệu tín đồ¹. So với các tôn giáo ở Việt Nam thì số lượng tín đồ đạo Công giáo đứng thứ hai (sau đạo Phật).

Hai thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có số lượng tín đồ Công giáo đáng kể: Hà Nội: 28.534 người²; thành phố Hồ Chí Minh: 458.683 người³. Đây là hai thành phố đạo Công giáo sớm xuất hiện và sớm hình thành những cộng đồng tín đồ mang những sắc thái riêng biệt về đời sống đạo. Vào năm 1627, Alexandre Dơ Rát đã rửa tội cho 1.200 người tôn tòng ở Hà Nội, năm 1628 thêm 2.000 người, năm 1929 thêm 3.500 người⁴. ở thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1610 xuất hiện họ đạo Chợ Quán, năm 1722 xuất hiện họ đạo Cầu Kho... Đó là những cộng đồng tín đồ sớm nhất được lịch sử ghi lại.

Trải hàng trăm năm với những biến cố thăng trầm của lịch sử, tín đồ Công giáo Việt Nam nói chung và các cộng đồng Công giáo ở các xứ họ đạo, các giáo phận... dần dần hình thành một đời sống đạo vừa có những đặc điểm chung vừa có những đặc thù do lịch sử văn hóa, địa lý nhân văn, phong tục... mỗi vùng quê tạo thành.

Cho đến nay chưa thấy có một định nghĩa nào về *đời sống đạo*. Theo chúng tôi, đời sống đạo chính là những hành vi tôn giáo và niềm tin tôn giáo của một tín đồ, hay một cộng đồng tín đồ theo một tôn giáo được hình thành trong lịch sử.

Hành vi tôn giáo là những việc làm của tín đồ qua những nghi lễ mà tôn giáo họ theo quy định như cúng bái, cầu nguyện, chịu các phép bí tích. Cố thể một tín đồ của một tôn giáo không chỉ thực hiện hành vi tôn giáo mà người đó theo mà họ còn thực hiện một số hành vi của tôn giáo, tín ngưỡng khác. Ví dụ, tín đồ Khổng giáo đi chùa lễ Phật; Tín đồ đạo Công giáo lên đồng, gọi hồn...

Niềm tin tôn giáo là mức độ tin tưởng vào những tín lý, giáo lý, học thuyết... của một tín đồ, một cộng đồng tín đồ đối với tôn giáo mà họ theo.

Xuất phát từ quan điểm trên, chúng tôi tiến hành hai đợt điều tra xã hội học tôn giáo ở hai thành phố (Hà Nội và Hồ Chí Minh). Đợt một điều tra ở thành phố Hà Nội (từ tháng 2-6/1992); Đợt hai điều tra ở thành phố Hồ Chí Minh (từ tháng 8-10/1993).

Về thời điểm tuy cách nhau 14 tháng nhưng khoảng thời gian này tính hình chính trị

1. Phòng thông tin tư liệu Ban Tôn giáo của Chính phủ. Một tôn giáo ở Việt Nam, Hà Nội 1993. tr 272.

2. Số lượng tính đến tháng 6-1992.

3. Niên giám địa phận thành phố Hồ Chí Minh 1990.

4. Alexandre De Rhodes: *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, UBND Công giáo thành phố Hồ Chí Minh, 1994.

đất nước và tình hình Giáo hội Công giáo không có những biến động lớn, tác động vào đời sống đạo.

Nội dung điều tra tập trung vào hai phần chính là: Thực hành nghi lễ tôn giáo và niềm tin tôn giáo.

-Thực hành nghi lễ tôn giáo thể hiện qua việc tín đồ tham dự thánh lễ, xưng tội, rước lễ (chịu phép Minh thánh), đọc đọc kinh sớm tối.

- Về niềm tin tôn giáo được định lượng theo những tiêu chí sau đây:

- + Loài người sinh ra bởi Chúa.
- + Tội tổ tông truyền.
- + Có chúa Ba ngôi.
- + Ngày tận thế.
- + Tin có quỷ dữ (ma).
- + Phép Thánh thể hiệp thông với Chúa.

Niềm tin tôn giáo xác định ở ba mức độ tin, không tin và nghi ngờ.

Phần thực hành nghi lễ nói chung xác định ở ba mức độ: 1.- thường xuyên; 2.- không thường xuyên (hoặc ít tham gia, hay thỉnh thoảng); 3.- không (hoặc đã lâu không tham gia).

Về địa điểm điều tra, ở cả hai thành phố chúng tôi chọn mỗi thành phố 3 điểm: Một: ở nội thành; Hai: ở ven nội (đô); Ba: ở ngoại thành. Cụ thể như sau:

Thành phố Hà Nội: nội thành chọn xứ Hàm Long (thuộc quận Hai Bà Trưng); ven nội chọn xứ Kẻ Sét (thuộc quận Hai Bà Trưng); ngoại thành chọn xứ Đông Tri (huyện Thanh Trì)

Thành phố Hồ Chí Minh: Nội thành chọn xứ Đức Mẹ hằng cứu giúp (Quận Ba); ven nội chọn xứ Mẫu Tâm (quận Tân Bình); ngoại thành chọn xứ Thủ Đức (huyện Thủ Đức)...

Đợt điều tra xã hội học tôn giáo ở thành phố Hà Nội được tiến hành từ tháng 2 đến tháng 6 năm 1992. Sau đây là từng nội dung cụ thể. Quan điểm Kitô giáo cho rằng Thánh lễ gồm hai phần: Phụng vụ lời Chúa và phụng vụ Thánh thể: Phụng vụ lời Chúa là tham dự, tôn thờ, cầu nguyện Chúa Giêsu và tưởng nhớ Chúa Giêsu đã chết và sống lại và trông chờ ngày Chúa đến (tái lâm). Phụng vụ Thánh thể nghĩa là chịu phép Thánh thể để liên kết với Chúa và liên kết với nhau.

Tham dự Thánh lễ được chia làm 3 mức độ thực hành là: Tham gia thường xuyên nghĩa là tham gia hầu hết các lễ chủ nhật); Không thường xuyên: có thể mỗi tháng chỉ tham gia một lần hoặc chỉ tham gia những ngày lễ trọng (lễ lớn); Không tham gia.

Bảng 1: Tham dự Thánh lễ

Xứ đạo	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không tham gia
Đông Tri	72,0%	20%	7%
Kẻ Sét	63,%	31,8%	5,3%
Hàm Long	33,5%	60,3%	6,7%
Tổng cộng	56,4%	37,4%	6,4%

Phụng vụ Thánh thể là chịu phép Thánh thể (phép Minh thánh hay còn gọi là rước

lễ) là một trong 7 bí tích do Chúa Giêsu lập. Chỉ những người tham dự Thánh lễ mới được chịu phép Thánh thể. Song không phải tất cả, mà tín đồ phải là người sạch tội, nếu lỗi đạo, mắc tội trọng, chưa được giải tội thì không được chịu phép Thánh thể.

Bảng 2: Chịu phép Thánh thể

Xứ đạo	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không tham gia
Đồng Tri	70,8%	20,7%	7,9%
Kẻ Sét	63,6%	31,8%	5,3%
Hàm Long	35,5%	44,9%	20,0%
Tổng cộng	56,6%	32,5%	11,0%

Xung tội, ăn năn tội để được linh mục giải tội là một trong những hành vi tôn giáo quan trọng của Kitô hữu.

Bảng 3: Xung tội

Xứ đạo	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không tham gia
Đồng Tri	88,5%	5,9%	5,9%
Kẻ Sét	89,0%	5,5%	5,5%
Hàm Long	80,0%	0,0%	20,0%
Tổng cộng	85,8%	3,8%	10,6%

Qua các bảng thống kê 1-2-3 cho thấy số người tham dự thánh lễ, xung tội, chịu phép Thánh thể tham gia thường xuyên với tỷ lệ cao. Bởi đó là những tiêu chí đánh giá họ trước hết có còn là một tín đồ Công giáo hay không, sau đó là đánh giá được trạng thái tâm linh tôn giáo của mỗi con người, của một cộng đồng, có thể là xứ họ đạo, là một giáo phận hay một giáo tỉnh.

Đồng thời các bảng thống kê cũng cho thấy mức độ hoạt động tôn giáo ở từng cộng đồng giáo xứ khác nhau. Càng đi vào nội thành, tỷ lệ giáo dân tham dự các hành vi tôn giáo ở mức độ thường xuyên càng thấp. Có thể giải thích là giáo dân nội thành mang đậm tính cá thể, là những người buôn bán nhỏ, làm nghề tự do, công việc thành thị xô bồ khiến họ mệt mỏi. ở thành thị, tín đồ đạo Công giáo sống xen kẽ với những người theo các tôn giáo khác, *tính cộng đồng xứ họ kết cấu rời rạc, giáo dân không bị thúc bách về mặt dư luận. Cuộc sống thị thành với nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ chi phối tình cảm*

Như phân trên đã đề cập, một tín đồ có thể tham gia những hành vi tôn giáo với các tôn giáo khác. Xem bói, tử vi, tướng số, gọi hồn... là những hoạt động tín ngưỡng và saman giáo, điều mà Giáo hội công giáo cấm kỵ. Tuy nhiên cuộc điều tra cho thấy có tới 15,76% giáo dân tham gia vào những hành vi trên.

So sánh với kết quả cuộc điều tra xã hội học tôn giáo tại Hà Nội tháng 1-1991 của Viện Xã hội học về chịu phép Thánh thể (Rước lễ) ta có bảng sau:

Bảng 4

Chịu phép Thánh thể (Rước lễ)	Hà Nội (1932)	Đị Nậu (1-1991)	Hàng Trống (1-1991)
Thường xuyên	56,6%	25%	32,5%
Không thường xuyên	32,5%	69%	25%
Không tham gia	11,1%	6%	6%

Bảng 4 cho thấy tỷ lệ giáo dân không tham gia chịu phép Thánh thể ở Hà Nội, Đị Nậu và Hàng Trống không có gì biến động lớn, tỷ lệ thường xuyên và không thường xuyên gần như đối chọi cho nhau.

Hiện tượng giáo dân không thường xuyên chịu phép Thánh thể biểu hiện ở hai khía cạnh: Một là họ không thường xuyên tham dự Thánh lễ nên không nhận bí tích Thánh thể. Hai là có thể họ tham gia thường xuyên nhưng do tự nhận mình chưa sạch tội nên không lãnh nhận bí tích.

Đọc Kinh sớm tối là một hành vi tôn giáo biểu thị sự sốt sắng việc đạo, thể hiện lòng tôn kính Thiên Chúa của tín đồ Công giáo. Đọc Kinh sớm tối là tục lệ có từ lâu đời ở các cộng đồng tín hữu Kitô giáo Bắc Kỳ và một phần Trung Kỳ.

Tỷ lệ giáo dân thường xuyên đọc Kinh cầu nguyện sớm tối xứ Đồng Tri: 41%, Xứ Kẻ Sét: 68%, xứ Hàm Long: 60%. Tổng số chung là 56%.

Về niềm tin *tôn giáo*:

Tổng hợp từng tiêu chí của ba xứ đạo, tính ra phần trăm cho thấy:

- | | |
|---|------------------|
| 1. 76,8% tin vào loài người sinh ra bởi Chúa. | 1,97% không tin |
| 2. 10,92% tin vào tội tổ tông truyền | 1,97% không tin. |
| 3. 84,71% tin có Chúa Ba ngôi | 5,91% không tin |
| 4. 70,92% tin có ngày tận thế | 13,79% không tin |
| 5. 57,18% tin có quỷ dữ (ma) | 25,6% không tin |
| 6. 80,77% tin vào phép Thánh thể | 5,91% không tin |

Những tiêu chí 1-2-3-4-6 có tỷ lệ phần trăm cao, chứng tỏ niềm tin tôn giáo của giáo dân về cơ bản vẫn được giữ vững.

Tiêu chí 5 (có quỷ dữ (ma)) cho thấy những con số đáng lưu ý: 57,13% tin - không tin là 25,6%.

*

* *

Đợt điều tra xã hội học tôn giáo ở thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành vào các tháng 8-9-10/1993, phương pháp và nội dung về cơ bản như tiến hành ở thành phố Hà Nội, có khác nhau là sự phân tích các số liệu. Ở thành phố Hà Nội chúng tôi phân tích số liệu phần trăm từng xứ đạo sau đó mới gộp lại thành số liệu chung, còn ở thành phố Hồ Chí Minh không có sự phân tích đó mà lấy số liệu chung ngay. Phần *Tham dự Thánh lễ* ở thành phố Hà Nội không tách Lễ trọng (Lễ lớn) ra khỏi Lễ mỗi chủ nhật còn ở thành phố Hồ Chí Minh có sự tách rời này. Về chịu phép Thánh thể (Rước lễ) ở thành phố Hồ Chí Minh cũng

có sự phân tích về mức độ như: Năm 1 lần; Năm vài lần; Tháng vài lần; Tuần 1 lần; đã lâu không làm; khác.

Sở dĩ có sự tách biệt này, một mặt để thấy rõ hơn số lượng phần trăm ở từng mức độ mặt khác là để so sánh với kết quả điều tra xã hội học - tôn giáo Công giáo của Nguyễn Xuân Nghĩa tiến hành vào tháng 1/1990 ở thành phố Hồ Chí Minh¹.

Sau đây là từng nội dung cụ thể:

Tham dự Thánh lễ

Bảng 5: %

Mức độ Thánh lễ			
	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Lễ mỗi chủ nhật	86%	10%	4%
Lễ trọng (Lễ lớn)	96%	2%	2%

Về tham dự Thánh lễ mỗi chủ nhật mức độ thường xuyên ở thời điểm tháng 1/90 của hơn thời điểm tháng 10/93, nhưng tỷ lệ không bao giờ thì chênh lệch không đáng kể. (Xem Bảng 6).

Bảng 6: %

Mức độ Thời điểm điều tra			
	Thường xuyên	Không thường xuyên	Không bao giờ
Lễ mỗi chủ nhật	90,32%	2,2%	1,5%
Lễ trọng (Lễ lớn)	86,0 %	10%	4%

Xung tội

Theo quy định của Giáo hội Công giáo Việt Nam, giáo dân phải giữ giới luật "mỗi năm xung tội ít là một lần". Tỷ lệ này ở các cuộc điều tra cho thấy khá cao". (Xem Bảng 7).

Bảng 7 %

Mức độ Địa điểm thời gian	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh
	1-1990	1992	10-1993
Mỗi năm một lần	94,9%		92,45%
Không bao giờ	5,1		7,6%

Bảng thống kê cho thấy thời điểm điều tra ở thành phố Hồ Chí Minh diễn ra khác

1. Xem: Về đời sống đạo của người Công giáo thành phố Hồ Chí Minh - Báo: Công giáo và dân tộc số 760 ra ngày 10.6.1990.

nhau, nhưng cả hai thời điểm đó và thời điểm điều tra ở thành phố Hà Nội tỷ lệ giáo dân xưng tội mỗi năm ít là một lần đều cao, không có sự đột biến.

Chịu phép Thánh thể (Rước lễ).

Kết quả điều tra tháng 10-1993 ở thành phố Hồ Chí Minh cho thấy:

Bảng 8:

Mức độ						%
	Năm một lần	Năm vài lần	Tháng vài lần	Tuần một lần	Đã lâu không làm	
Tỉ lệ %		2%	16%	78%	4%	

Nếu gộp tỷ lệ giáo dân tham gia chịu phép Thánh thể tháng vài lần vào tỷ lệ tuần 1 lần, kết quả sẽ là 94%. So với tỷ lệ 90,4% của đợt điều tra quý I - 1990 thì hai tỷ lệ trên là bình thường. Hai tỷ lệ trên có khác chẵn với Hà Nội (1992): Chỉ có 60,26% thường xuyên (nghĩa là thực hành tuần một lần hay tháng vài lần), số không tham gia thường xuyên là 30,36%; số không tham gia: 9% (Hà Nội 1992); 3,6% (Hồ Chí Minh quý I/92) và 4% (Hồ Chí Minh tháng 10-1993).

Giải thích về hiện tượng giáo dân Hà Nội tỷ lệ tham gia chịu phép mình Thánh thấp hơn nhiều so với thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi phần nào tán thành quan điểm của các tác giả Nguyễn Xuân Nghĩa trong bài viết: *Về đời sống đạo của người Công giáo thành phố Hồ Chí Minh*: "Giáo dân miền Bắc vì có thời gian dài ít có quan hệ với cộng đồng Kitô giáo toàn cầu nên đã bị đứt, với việc đổi mới tư tưởng trong Kitô giáo, nhất là từ sau cộng đồng Vatican II. Giáo dân miền Bắc vẫn bị chi phối mạnh mẽ bởi quan điểm khắc kỷ, là quan điểm linh thiêng hóa các bí tích và quan niệm con người tự xem mình không đáng nhận lãnh các bí tích". Theo chúng tôi còn một nguyên nhân: ở miền Bắc nói chung, Hà Nội nói riêng có một số người khô đạo, nhạt đạo nên không hoặc ít tham dự Thánh lễ và do đó dẫn đến việc không hoặc ít chịu bí tích Thánh thể.

Về niềm tin tôn giáo

Sáu nội dung mang tính cốt lõi mà đợt điều tra xã hội học tôn giáo tiến hành năm 1992 ở Hà Nội vẫn được đưa ra thực hiện ở thành phố Hồ Chí Minh (đợt tháng 10-1993). (Xem Bảng 9)

Bảng 9:

Nội dung	Mức độ	%			
		Tin	Không tin	Nghi ngờ	Khác
Loài người sinh bởi chúa		84	2	14	
Tội tổ tông truyền		90	4	6	
Có chúa ba ngôi		94	2	4	
Ngày tận thế		56	6	38	
Tin có quỷ dữ (ma)		50	34	16	
Phép Thánh thể hiệp thông với Chúa		94	4	2	

Bảng so sánh các số liệu ng/cứu về niềm tin tôn giáo ở thành phố Hà Nội (Xem Bảng 10 và ở thành phố Hồ Chí Minh).

Bảng 10:

Mức độ	Tin		Không tin		Nghỉ ngờ		Khác	
	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hà Nội
Loại người sinh								
bởi Chúa	84	78,8	2	1,97	6	19,23		
Tội tổ tông truyền	90	70,92	4	1,97	14	19,23		
Có Chúa Ba ngôi	94	84,71	2	5,91	4	9,38		
Ngày tận thế	56	70,92	6	13,79	38	15,29		
Tin có quỷ dữ (ma)	50	57,13	34	25,6	16	17,27		
Phép Thánh thể hiệp thông với Chúa	94	80,77	4	5,91		13,33	2	

Từ các kết quả nghiên cứu trên đây cho phép rút ra một vài nhận xét như sau:

- Tín đồ đạo Công giáo ở hai thành phố giữ vững niềm tin tôn giáo và niềm tin đó được thể hiện qua việc thực hành những lễ thức tôn giáo ở mức độ cao.

- Trải thời gian dài, đất nước ta bị chia làm hai miền, sự đón nhận đổi mới Cộng đồng Vatican II có sự khác nhau, nhưng sự khác biệt về niềm tin và thực hiện những lễ nghi không lớn.

- Công giáo Hà Nội xuất hiện những người khô đạo, nhạt đạo đến Nhà thờ tham dự Thánh lễ, Xung tội, Chịu phép Thánh thể và sự trở lại của niềm tin tôn giáo.

Có thể giải thích những đặc điểm trên ở ba nguyên nhân chủ yếu sau đây: Từ khi có đường lối đổi mới toàn diện trong đó có vấn đề tôn giáo thì các tôn giáo ở Việt Nam trong đó có Công giáo có điều kiện thực hành các nghi lễ tôn giáo và đó cũng là dịp thể hiện niềm tin tôn giáo.

- Giáo hội Công giáo Việt Nam từ sau ngày đất nước thống nhất có điều kiện thống nhất tổ chức, chỉ đạo thực hành các nghi lễ tôn giáo, giao lưu học hỏi trong hàng giáo phẩm, giáo dân giữa hai miền cũng như giữa hai thành phố lớn.

- Sự biến động của đời sống thế tục nhất là trong giai đoạn hiện tại của đất nước đang chịu nhiều tác động của nền kinh tế thị trường, những giá trị đạo đức truyền thống có nguy cơ bị xói mòn, đang là những nguyên nhân trực tiếp chi phối đến đời sống đạo của người dân theo đạo công giáo tại các khu vực được nghiên cứu.